

Bài 14: Hịch Tướng Sĩ

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Sinh năm 1228, Trần Quốc Tuấn ra đời khi họ Trần vừa thay thế nhà Lý làm vua trong một đất nước đói kém, loạn ly. Trần Thủ Độ, một tôn thất tài giỏi đã xếp đặt bày mưu giữ cho thế nước chông chênh thành bền vững. Bây giờ Trần Cảnh còn nhỏ mới 11 tuổi, vợ là Lý Chiêu Hoàng, vị vua cuối cùng của dòng họ Lý. Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng được nhiều năm nhưng chưa có con. Trần Thủ Độ rất lo lắng. Bây giờ Trần Liễu, anh ruột vua Trần Cảnh, lấy công chúa Thuận Thiên, chị gái Chiêu Hoàng đang có mang. Trần Thủ Độ ép Liễu nhường vợ cho Cảnh để chắc có một đứa con cho Cảnh. Liễu nổi loạn. Thủ Độ dẹp tan nhưng tha chết cho Liễu. Song điều này không dẹp nổi lòng thù hận của Liễu. Vì thế Liễu kén thầy giỏi dạy cho con trai mình thành bậc văn võ song toàn, ký thác vào con mới thù sâu nặng. Người con trai ấy chính là Trần Quốc Tuấn.

Thuở nhỏ, có người đã phải khen Quốc Tuấn là bậc kỳ tài. Khi lớn lên, Trần Quốc Tuấn càng tỏ ra thông minh xuất chúng, thông kim bác cổ, văn võ song toàn. Trần Liễu thấy con như vậy mừng lắm, những mong Quốc Tuấn có thể rửa nhục cho mình. Song, cuộc đời Trần Quốc Tuấn trải qua một lần gia biến, ba lần quốc nạn và ông đã tỏ ra là một bậc hiền tài. Thù nhà ông không đặt lên trên quyền lợi dân nước, xã tắc. Ông đã biết dẹp thù riêng, vun trồng cho mối đoàn kết giữa tông tộc họ Trần khiến cho nó trở thành cột rễ của đại thắng. Bây giờ quân Nguyên sang xâm chiếm Việt Nam. Trần Quốc Tuấn đã giao hảo hòa hiếu với Trần Quang Khải. Hai người là hai đầu mối của hai chi trong họ Trần, đồng thời một người là con Trần Liễu, một người là con Trần Cảnh, hai anh em đối đầu của thế hệ trước. Sự hòa hợp của hai người chính là sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều Trần, đảm bảo đánh thắng quân Nguyên hung hãn.

Chuyện kể rằng: Thời ấy tại bến Đông, Trần Quốc Tuấn mời Thái Sư Trần Quang Khải sang thuyền mình trò chuyện, chơi cờ và sai nấu nước thơm tự mình tắm rửa cho Quang Khải... Rồi một lần khác, ông đem việc xích mích trong dòng họ dò ý các con, Trần Quốc Tảng có ý khích ông cướp ngôi vua của chi thứ, ông nổi giận định rút gươm toan chém chết Quốc Tảng. Do các con và những người tâm phúc xúm vào van xin, ông bớt giận dùng gươm nhưng bảo rằng: *“Từ nay cho đến khi ta nhắm mắt, ta sẽ không nhìn mặt thằng nghịch tử, phản thầy này nữa!”*

Trong chiến tranh, ông luôn hộ giá bên vua, tay chỉ cầm cây gậy bịt sắt. Thế mà vẫn có lời dị nghị, sợ ông sát vua. Ông bèn bỏ luôn phần gậy bịt sắt, chỉ chống gậy khi gần cận nhà vua. Và sự nghi kỵ cũng chấm dứt. Giỏi tâm lý, chú ý từng việc nhỏ

để tránh hiềm nghi, yên lòng quan để yên lòng dân, đoàn kết mọi người vì nghĩa lớn dân tộc. Một tâm lòng trung trinh son sắt vì vua, vì nước.

Vua giao quyền tiết chế cho Trần Quốc Tuấn. Ông biết dùng người tài như các anh hùng Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng... đều từ cửa tướng của ông mà ra. Ông rất thương binh lính, và họ cũng rất tin yêu ông. Đội quân cha con ấy trở thành đội quân bách thắng.

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng “cột đá chống trời”. Ông đã soạn hai bộ binh thư: **Binh Thư Yếu Lược** và **Vạn Kiếp Tông Bí Truyền Thư**, để dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc. Trần Khánh Dư, một tướng giỏi cùng thời đã hết lời ca ngợi ông: “... *Lấy ngũ hành cảm ứng với nhau, cân nhắc cứu cung, không lẫn âm dương...*”

Khi giặc lộ rõ ý định gây hấn, Trần Quốc Tuấn đã viết bài Hịch Tướng Sĩ, truyền lệnh cho các tướng, răn dạy chỉ bảo lẽ thắng bại tiến lui. Bản viết bằng giọng văn thống thiết hùng hồn, mang tầm tư tưởng của một bậc “đại bút”.

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng tài có đủ tài đức. Là *tướng nhân*, ông thương dân, thương quân, chỉ cho quân dân con đường sáng. Là *tướng nghĩa*, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là *tướng chí*, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là *tướng dũng*, ông sẵn sàng xông pha vào nơi nguy hiểm để đánh giặc, lập công, cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông. Là *tướng tín*, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông thì sẽ được gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.

Hai tháng trước khi mất, vua Anh Tông đến thăm lúc ông đang ốm, có hỏi:

- *Nếu chẳng may ông mất đi, giặc phương Bắc lại sang xâm lấn thì kế sách làm sao?*

Ông đã trăng trối những lời cuối cùng, thật thâm thía và sâu sắc cho mọi thời đại dựng nước và giữ nước:

- *Thời bình phải khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách giữ nước.*

Mùa thu tháng Tám, ngày 20, năm Canh Tý, Hưng Long thứ 8 (1300) Bình Bắc Đại Nguyên Soái Hưng Đạo Đại Vương qua đời. Theo lời dặn lại, thi hài ông được hỏa táng thu vào bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, giữa cánh rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây như cũ...

Khi ông mất (1300), vua phong ông tước Hưng Đạo Đại Vương. Triều đình lập đền thờ ông tại Vạn Kiếp, Chí Linh, ấp phong của ông thuở sinh thời. Công lao sự nghiệp của ông khó kể hết. Vua coi như bậc trượng phu, trăm họ kính trọng gọi ông là Hưng Đạo Đại Vương.

Trần Hưng Đạo là một anh hùng dân tộc, một danh nhân văn hóa Việt Nam.

HỊCH TƯỚNG SĨ

Hoàn Cảnh Ra Đời

Đề chuẩn bị chống giặc Nguyên Mông sắp sang xâm lược nước ta lần thứ hai, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn công bố áng hùng văn **Hịch Tướng Sĩ** và mở cuộc tổng duyệt binh thủy bộ vào khoảng tháng 10 năm Giáp Thân 1284.

Bài **Hịch Tướng Sĩ** được viết ra với mục đích khích lệ tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ, nêu gương trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, nói lên tâm trạng của Hưng Đạo Vương trước họa xâm lăng, phê phán thái độ thờ ơ vô trách nhiệm của các tỳ tướng và vạch ra hậu quả tai hại của nó.

Bài hịch thuộc loại văn chính luận. Văn phong hịch trang trọng, cách xưng hô rõ ràng, lập luận chặt chẽ, bố cục hợp lý.

BÀI DỊCH NGHĨA

Hịch Tướng Sĩ

Ta thường nghe: *Kỷ Tín* đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; *Do Vu* chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương. *Dự Nhượng* nuốt than, báo thù cho chủ; *Thân Khoái* chặt tay cứu nạn cho nước. *Kinh Đức* một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thê Sung; *Cảo Khanh* một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có? Ví thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nữ thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được?

Các người vốn dòng võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi việc đời trước hẵng tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Nguyên mà nói: *Vương Công Kiên* là người thế nào? Nguyễn Văn Lập tỳ tướng của ông lại là người thế nào? Vậy mà đem thành *Điếu Ngự* lớn tày cái đầu đương đầu với quân *Mông Kha* đường đường trăm vạn, khiến cho sinh linh nhà Tống, đến nay còn đội ơn sâu! *Cốt Đãi Ngột Lang* là người thế nào? *Xích Tu Tư* tỳ tướng của ông lại là người thế nào? Vậy mà xông vào chốn lam chướng xa xôi muôn dặm, đánh quy quân *Nam Chiếu* trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay còn lưu tiếng tốt!

Hướng chi, ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lén nhìn sứ nguy đi lại nghênh ngang ngoài đường, uôn tấc lưỡi cú điều mà lảnh nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tô phụ. Ý mệnh *Hốt Tất Liệt* mà đòi ngọc lụa, để phụng sự lòng tham khôn cùng; khoác hiệu *Vân Nam Vương* mà hạch bạc vàng, để vét kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hồ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau.

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có mặc thì ta cho áo; không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng tước; lộc ít thì ta cấp lương. Đi thủy thì ta cho thuyền; đi bộ thì ta cho ngựa. Lâm trận mạc thì cùng nhau sống chết; được nhân hạ thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang đãi người phụ tá nào có kém gì?

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe *nhạc thái thường* đả yến sứ nguy mà không biết căm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm. Nếu bất chợt có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tám thân ngàn vàng; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dầu lắm không mua được đầu giặc; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù. Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rắt không làm giặc điếc tai. Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta cùng bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những *thái ấp* của ta không còn mà bổng lộc các người cũng thuộc về tay kẻ khác; chẳng những gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phân mộ cha ông các người cũng bị kẻ khác bới đào; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng nhớ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các người cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui chơi thỏa thích, phỏng có được chăng?

Nay ta bảo thật các người: nên lấy việc “*đặt mỗi lửa dưới đống củi nổ*” làm nguy; nên lấy điều “*kiêng canh nóng mà thổi rau nguội*” làm sợ. Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho ai nấy đều giỏi như *Bàng Mông*, mọi người đều tài như *Hậu Nghệ*, có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, làm rửa thẹn Vân Nam Vương ở *Cảo Nhai*. Như thế chẳng những *thái ấp* của ta *mãi mãi vững bền* mà bổng lộc các người cũng suốt đời tận hưởng; chẳng những gia thuộc ta được âm êm giường nệm, mà vợ con các người cũng trăm tuổi sum vầy; chẳng những tông miếu ta được hương khói nghìn thu mà tổ tiên các người cũng bốn mùa thờ cúng; chẳng những thân ta kiếp này thỏa chí, mà đến các người, trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụy hiệu ta không hề mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ, dầu các người không muốn vui chơi, phỏng có được không?

Nay ta chọn lọc binh pháp các nhà hợp thành một quyển, gọi là ***Binh Thư Yếu Lược***. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên nghịch tặc, để thẹn muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở này nữa?

Cho nên ta viết bài hịch này để các người hiểu rõ bụng ta.

Huệ Chi
(Dịch lại trên cơ sở các bản dịch cũ)

Chú Thích

- Kỷ Tín:* Một tướng của Hán Cao Tổ. Khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ vây ở Huỳnh Dương. Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ ra hàng, bị Hạng Vũ thiêu chết. Hán Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.
- Do Vu:* Tướng của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu. Theo Tả truyện Sở Chiêu Vương bị nước Ngô đánh phải lánh sang phương Đông, một đêm bị cướp vây đánh. Do Vu đã chìa lưng ra che chở cho vua mình.
- Dự Nhượng:* Gia thân của Trí Bá thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết chết. Dự Nhượng bèn nuốt than cho khác giọng đi, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.
- Thân Khoái:* Viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công thời Xuân Thu. Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái bèn chết theo chủ.
- Kinh Đức:* Tức Uất Trì Cung đời Đường. Khi Đường Thái Tông (bấy giờ còn là Tàn Vương) bị Vương Thế Sung vây, ông đã lấy mình che chở, hộ vệ cho vua chạy thoát.
- Cảo Khanh:* Họ Nhan, bề tôi của nhà Đường. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, đánh đuổi Đường Huyền Tông ông đã chửi mắng Lộc Sơn và bị cắt lưỡi.
- Vương Công Kiên:* Tức Vương Kiên tướng nhà Tống, giữ Hợp Châu (Tứ Xuyên), đã huy động quân dân chiến đấu ở núi Điều Ngự cầm cự với đạo quân Mông Cổ do Mông-ke (Mongka, phiên âm Hán Việt là Mông Kha) chỉ huy, trong 4 tháng trời. Đến khi Mông-ke chết, quân Mông Cổ đành phải rút.
- Điều Ngự:* Tên một trái núi rất hiểm trở ở Tứ Xuyên, ba mặt nhìn xuống sông. Đời Tống, Dư Giới có đắp thành ở đó.

Mông Kha: Tức Mông-ke (Mongka) là anh của Hốt Tất Liệt (Qubilai), làm đại hãn (chúa tể) Mông Cổ từ năm 1251, từng trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung Quốc và các nước ở phía Đông. Chính y bị tử trận ở thành Điều Ngư trong cuộc vây hãm đội quân nhà Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.

Cốt Đãi Ngột Lang:

Tức U-ry-ang-kha-đai (Uriyangqadai), là một tướng giỏi của Mông-ke con viên tướng nổi tiếng Nu-bu-tai (Subutai). U-ry-ang-kha-đai từng nhận lệnh Mông-ke, cùng với Hốt Tất Liệt đánh chiếm nước Nam Chiếu, một nước ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam thủ đô Đại Lý (Vân Nam). U-ry-ang-khai-đai cũng chính là viên tướng chỉ huy đạo quân xâm lược Việt Nam lần thứ nhất (1258).

Xích Tu Tư:

Chép *Xích* theo Hoàng Việt Văn Tuyển. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép *Cân*. Hai chữ gần giống nhau, không biết quyền nào chép nhầm. Hiện nay, chưa có tài liệu nào nói gì về viên tướng này, và việc khôi phục lại tên Mông Cổ từ Hán tự cũng không phải là chuyện đơn giản.

Hốt Tất Liệt:

Tức Khu-bi-lai (Qubilai), em ruột và là tướng của Mông-ke. Sau khi Mông-ke chết (1259), Hốt Tất Liệt đã tự xưng làm đại hãn ở Khai Bình, tổ chức cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu với em ruột là A-ric Bu-kê (AriqBuka). Năm 1264, A-ric Bu-kê đầu hàng, Hốt Tất Liệt bèn dời đô về Yên Kinh, tức Bắc Kinh ngày nay và đến năm 1271 thì đặt quốc hiệu là Nguyên. Hốt Tất Liệt chính là Nguyên Thế Tổ.

Vân Nam vương:

Tức Hu-ghê-tư (Hugaci) con Hốt Tất Liệt, được phong làm Vân Nam Vương năm 1267, đóng quân ở Vân Nam với nhiệm vụ khống chế các dân tộc thiểu số vùng này cũng như làm áp lực quân sự đối với nước ta lúc bấy giờ.

Nghìn thân ta bọc trong da ngựa:

Lấy ý ở câu nói của Mã Viện đời Hán (trong Hậu Hán Thư) *Đại trượng phu dương tử u cương trường, dĩ mã cách khóa thi nhĩ*. Nghĩa là: Bậc đại trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thân.

Nhạc thái thường:

Nhạc của triều đình dùng trong những tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ là thời kỳ ngoại giao giữa ta và quân Nguyên, trong những tiệc yến tiếp sứ giặc, triều đình phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui. Trần Quốc Tuấn coi đó là một điều nhục nhã.

Thái ấp: Phần đất vua phong cho các vương hầu.

Đặt mỗi lửa dưới đồng củi nhỏ:

(Thố hỏa tích tàn), lấy từ một câu văn của Hán thư. *Phù bảo hỏa, thố chi tích tân chi hạ nhi tầm kỳ thương; hỏa vị cập nhiên nhân vị chi an*, nghĩa là: ôm mỗi lửa đặt dưới đồng củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên.

Kiêng canh nóng mà thổi rau ngouï:

(Trùng canh xuy tê): xuất xứ từ một câu văn của Sở từ “*Trùng ư canh nhi xuy tê hề*”; ý nói: người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, dù gặp rau ngouï đi nữa, cũng lấy miệng thổi.

Bàng Mông, Hậu Nghệ:

Hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

Cảo Nhai:

Nơi trú ngụ của các vua “chư hầu” khi vào châu vua Hán ở Trường An.

Mãi mãi vững bền:

Dịch thoát câu *vĩnh vi thanh chiên*: Sách Thế thuyết chép rằng: Vương Tử Kính đêm nằm ngủ ở trai phòng thấy một bọn trộm lên vào nhà, trộm hết mọi vật. Ông từ tốn nói với chúng: cái nệm xanh (thanh chiên) này là đồ cũ của nhà ta, các ngươi đừng lấy. Tác giả mượn điển này để nói bóng về những của cải lưu truyền từ đời nọ đến đời kia.

Bản dịch này có tham khảo và chọn lọc câu chữ ở các bài dịch trong quá khứ của Trần Trọng Kim (Việt Nam Sử Lược), Ngô Tất Tố (Văn Học Đời Trần, 1940), Nguyễn Đông Chi (Việt Nam Cổ Văn Học Sử, 1941), Chu Thiên (Chống Quân Nguyên, 1957), Bùi Văn Nguyên (Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam, 1962), Cao Huy Giu (bản dịch Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, 1967), Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm (Cuộc Kháng Chiến Chống Xâm Lược Nguyên Mông, 1967).